

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Bên cạnh những mặt thuận lợi cũng không ít những mặt khó khăn thách thức với doanh nghiệp. Vì vậy muốn đảm bảo ưu thế cạnh tranh thu lợi nhuận cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng tìm tòi sáng tạo, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng mẫu mã đẹp, hợp thị yếu của người tiêu dùng, một yếu tố quan trọng khác là sản phẩm đó phải có giá thành hạ, phù hợp với sức mua của người tiêu dùng. Muốn vậy thì doanh nghiệp phải quản lý tốt chi phí để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm cũng có nghĩa là doanh nghiệp cần tổ chức tốt công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Để có thể nắm bắt kịp thời đầy đủ về các thông tin bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp, các nhà quản lý doanh nghiệp sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau, trong đó kế toán là công cụ quan trọng không thể thiếu trong hệ thống các công cụ quản lý sản xuất kinh doanh. Trong công tác kế toán, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là một phần hành quan trọng.

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước tiến tới trở thành 1 quốc gia công nghiệp. Vì thế ngành sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản là đóng góp vai trò chủ yếu trong việc sản xuất tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân... các sản phẩm của ngành phục vụ cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực cho nền kinh tế. Vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản đang tăng mạnh, đòi hỏi sự quản lý nguồn vốn đầu tư có hiệu quả khắc phục tình trạng lãng phí, chống thất thoát vốn trong sản xuất cơ bản.

Cho nên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty Cổ phần sản xuất thương mại Viglacera rất được chú trọng.

Qua thời gian thực tế và những kiến thức trong học tập nên em đã chọn đề tài: "*Hoạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*" mong rằng sẽ góp phần nhỏ bé vào quá trình kế toán tại công ty.

Ngoài phần mở đầu của nội dung chuyên đề được chia làm 3 phần:

Phần I: Các vấn đề chung về CP sản xuất tính giá thành sản phẩm.

Phần II: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

Phần III: Nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

Để hoàn thành chuyên đề, em đã nhận được sự hướng dẫn rất tận tình của cô giáo Phan Thị Thúy Quỳnh và sự giúp đỡ của các cán bộ trong phòng Tài chính kế toán của công ty.

Tuy nhiên, do thời gian thực tế còn chưa nhiều và trình độ còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và cán bộ phòng Tài chính - Kế toán của công ty để đề tài của em được hoàn thiện hơn. Em xin tiếp thu ý kiến và chân thành cảm ơn cô giáo Phan Thị Thúy Quỳnh cùng các cán bộ phòng Tài chính kế toán của công ty cổ phần sản xuất thương mại Viglacera đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

I. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC SẢN XUẤT CỦA NGÀNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chi phí được định nghĩa theo nhiều phương diện khác nhau. Chi phí có thể biểu hiện một cách trừu tượng là biểu hiện bằng tiền những hao phí lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc chi phí là những phí tổn về nguồn lực, tài sản cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt 2 ban hành theo quyết định 165/2002/QĐ-BTC thì "Chi phí là Tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu có nhiều quan điểm, hình thức thể hiện chi phí nhưng tất cả đều thừa nhận một vấn đề chung: chi phí là phí tổn tài nguyên, vật chất, lao động và phải phát sinh gắn liền với mục đích kinh doanh đây chính là bản chất kinh tế của chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bản chất kinh tế này giúp nhà quản trị phân biệt được chi phí và chi tiêu chi phí với vốn. Thật vậy chi phí gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh được tài trợ từ vốn kinh doanh và được bù đắp từ thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính vì thế các doanh nghiệp luôn quan tâm đến vấn đề quản lý chi phí nhằm tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh.

II. KHÁI NIỆM CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ CÁCH PHÂN LOẠI CHI PHÍ SẢN XUẤT CHỦ YẾU.

1. Khái niệm chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Nói cách khác, chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Các cách phân loại chi phí sản xuất chủ yếu.

a. Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất kinh tế (yếu tố chi phí)

- Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí.

Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chi làm 7 yếu tố sau:

+ Yếu tố nguyên liệu, vật liệu: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực).

+ Yếu tố nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ (trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

+ Yếu tố tiền lương và các khoản phụ cấp lương: phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho người lao động.

+ Yếu tố BHXH, BHYT, KPCĐ trích theo tỷ lệ qui định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả lao động.

+ Yếu tố khấu hao TSCĐ: phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

+ Yếu tố chi phí khác bằng tiền: phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

b. Phân loại chi phí sản xuất theo công dụng kinh tế chi phí (khoản mục chi phí).

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Giá thành toàn bộ của sản phẩm bao gồm 5 khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất, các khoản trích theo tiền lương của công nhân sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

+ Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng đội sản xuất, chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố chi phí sản xuất sau.

- Chi phí nhân viên phân xưởng bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng và đội sản xuất.

- Chi phí vật liệu: bao gồm chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng sản xuất với mục đích là phục vụ quản lý sản xuất.

- Chi phí dụng cụ: bao gồm về chi phí công cụ, dụng cụ ở phân xưởng để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất quản lý sử dụng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của phân xưởng và đội sản xuất.

- Chi phí khác bằng tiền: là các khoản trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý và sản xuất ở phân xưởng sản xuất.

+ Chi phí bán hàng: là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ loại chi phí này có: chi phí quảng cáo, giao hàng, giao dịch, hoa hồng bán hàng, chi phí nhân viên bán hàng và chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh có tính chất chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng chung toàn bộ doanh nghiệp, các loại thuế, phí có tính chất chi phí, chi phí tiếp khách, hội nghị.

3. Ý nghĩa của công tác quản lý chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chỉ tiêu của doanh nghiệp là sự chi ra, sự giảm đi thuần túy của tài sản, không để các khoản đó dùng vào việc gì và dùng như thế nào? chỉ tiêu trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm chỉ tiêu cho các quá trình mua hàng, quá trình sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu cho quá trình mua hàng làm tăng tài sản của doanh nghiệp, còn chỉ tiêu cho quá trình sản xuất kinh doanh làm cho các khoản tiêu dùng cho quá trình sản xuất kinh doanh tăng lên.

Chi phí trong kinh doanh bao gồm toàn bộ phận tài sản tiêu dùng hết cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ, số chỉ tiêu dùng cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ và số chỉ tiêu dùng cho quá trình sản xuất tính nhập hoặc phân bổ vào chi phí trong kỳ. Ngoài ra, khoản chi phí phải trả (chi phí trả trước) không phải là chỉ tiêu trong kỳ nhưng được tính vào chi phí trong kỳ.

Như vậy, giữa chỉ tiêu và chi phí của doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau, đồng thời có sự khác nhau về lượng và thời điểm phát sinh, mặt khác, chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nó được tài trợ vốn kinh doanh và được bù đắp từ thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ tiêu không gắn liền với mục đích sản xuất kinh doanh nên có thể được tài trợ từ những nguồn khác nhau, có thể lấy từ quỹ phúc lợi, trợ cấp từ những nguồn khác nhau, có thể lấy từ quỹ phúc lợi trợ cấp của Nhà nước và không bù đắp từ thu nhập hoạt động kinh doanh.

- Xét về thực chất thì chi phí sản xuất kinh doanh là sự chuyển dịch vốn của doanh nghiệp vào đối tượng tính giá nhất định. Nó là vốn của doanh nghiệp bỏ vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Vì vậy, để quản lý có hiệu quả và kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các nhà quản trị doanh nghiệp luôn cần biết số chi phí chi ra cho từng loại hoạt động, từng loại sản phẩm, dịch vụ trong kỳ là bao

nhiều, số chi phí đã chi đó cấu thành trong số sản phẩm lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành bao nhiêu.

III. GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1. Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ những hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hóa được tính trên một khối lượng kết quả sản phẩm lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu mang tính giới hạn và xác định vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan.

2. Phân loại giá thành sản phẩm

a. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành

Theo cách này, chỉ tiêu giá thành được chia thành giá thành kế hoạch giá thành định mức, giá thành thực tế.

+ Giá thành kế hoạch : là giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

+ Giá thành định mức: cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xác định trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

+ Giá thành thực tế: là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ kế toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức cho phù hợp.

b. Phân loại giá thành theo phạm vi tính toán

Theo phạm vi phát sinh chi phí, chỉ tiêu giá thành được chia thành giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ.

- Giá thành sản xuất (còn gọi là giá thành công xưởng) là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

- Giá thành tiêu thụ: (còn gọi là giá thành toàn bộ hay giá thành đầy đủ, là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Giá thành tiêu thụ được tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} & \text{Giá thành; toàn bộ; sản phẩm} = \text{Giá thành; sản xuất; sản phẩm} \\ & + \text{Chi phí; quản lý; doanh nghiệp} + \text{Chi phí; bán hàng} \end{aligned}$$

=> Cách phân loại này có tác dụng giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi đưa ra lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý cho từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

c. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi phí hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Về thực chất chi phí và giá thành là 2 mặt khác nhau của quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh mặt kết quả sản xuất. Tất cả những khoản chi phí phát sinh (phát sinh trong kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí tính trước có liên quan trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ

* Sơ đồ mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

Qua sơ đồ ta thấy: $AC = AB + BD$ - Công ty cổ phần điện tử chuyên dụng Hanel

hay

Tổng giá; thành sản phẩm = CPSX; dở dang đầu kỳ + CPSX P/S; trong kỳ - CPSX dở; dang cuối kỳ

IV. ĐỐI TƯỢNG TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất
 - Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ phải được kế toán tập hợp theo một phạm vi giới hạn nhất định.
 - Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là phạm vi và giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất và là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất.
- + Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm công nghiệp lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính giá thành ở đơn vị.
- + Tập hợp trực tiếp
 - Chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt.

- Có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu. Để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

- Tập hợp trực tiếp đảm bảo tính chính xác cao áp dụng tối đa phương pháp này nếu điều kiện cho phép.

+ Phân bổ gián tiếp:

- Điều kiện áp dụng: chi phí phát sinh có liên quan nhiều đối tượng kế toán chi phí. Không ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng, phải tập hợp cho nhiều đối tượng.

VI. NHIỆM VỤ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM :

Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm cần nhận thức đúng đắn vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán có liên quan trong đó kế toán các yếu tố chi phí và là tiền đề kế toán chi phí và tính giá thành.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất đặc điểm của sản phẩm khả năng hoạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo các phương án phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định tính giá thành cho phù hợp.

Trên cơ sở mối quan hệ đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành đã xác định để tổ chức áp dụng phương pháp tính giá thành cho phù hợp và khoa học.

Tổ chức bộ máy kế toán 1 cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm từng nhân viên từng bộ phận kế toán có liên quan đặc biệt đến bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

Thực hiện tổ chức, chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản sổ kế toán phù hợp với nguyên tắc phù hợp chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thu nhận - xử lý, hệ thống hóa thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra thông tin về kế toán chi phí, giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

* Chứng từ áp dụng: Căn cứ vào phiếu xuất kho

Các chứng từ liên quan để xác định giá vốn nguyên vật liệu dùng để chế tạo sản phẩm.

- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho đối tượng chi phí sản xuất

- Thực hiện trong bảng phân bổ nguyên vật liệu

1.1. Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621)

Bên nợ: trị giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ...

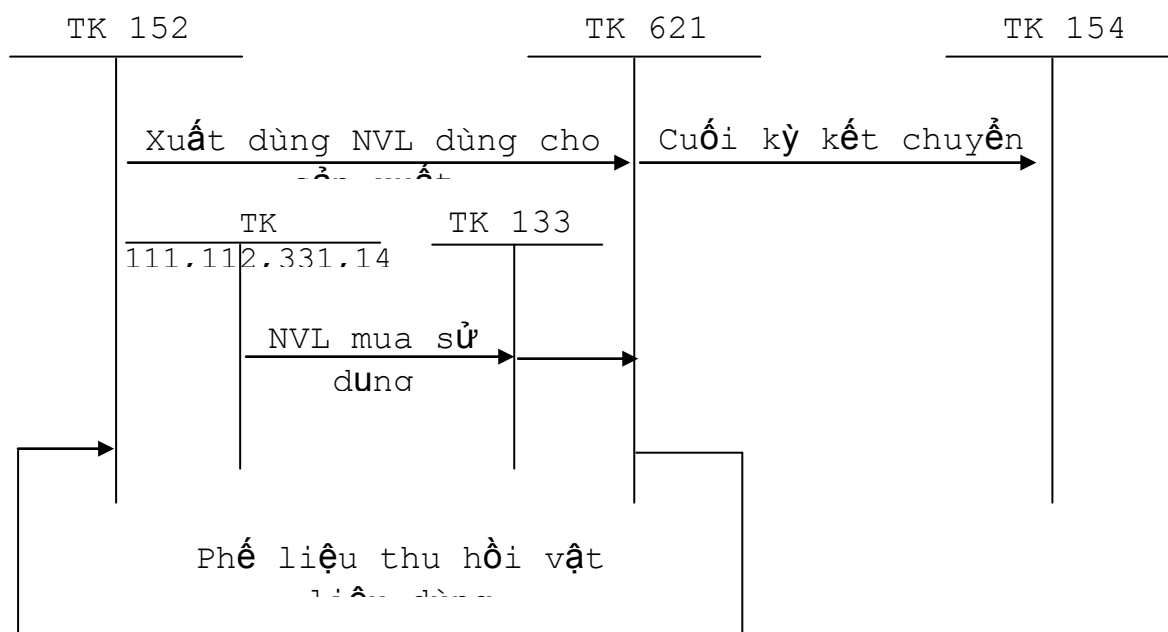
Bên có: trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho

trị giá phế liệu thu hồi

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

- Trình tự kế toán được thể hiện bằng sơ đồ sau.

Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp



b. Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)

- Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản về chi tiền lương chính, lương phụ của công nhân sản xuất trực tiếp thực hiện công tác xây lắp, công tác hạng mục công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp nếu liên quan đến một công trình thì tập hợp trực tiếp còn nếu liên quan đến nhiều thì phân bổ cho các đội sản xuất theo các tiêu thức thích hợp.

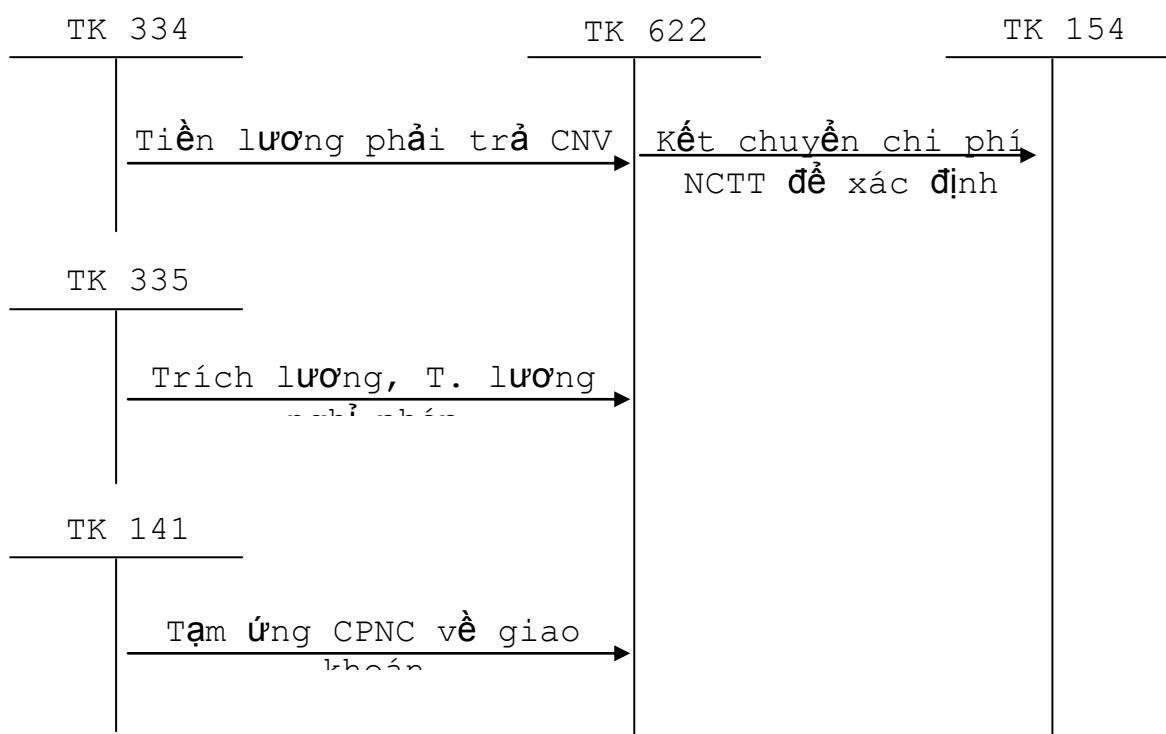
TK 622

Bên nợ: phản ánh chi phí nhân công trực tiếp trong kỳ

Bên có: Kết chuyển nhân công trực tiếp sang TK 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang".

TK 622 cuối kỳ có số dư

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



c. Kế toán chi phí sản xuất chung

Tài khoản này có thể mở chi tiết cho từng giai đoạn, từng loại sản phẩm, từng bộ phận và được mở chi tiết cho từng giai đoạn sản xuất và được mở tài khoản cấp 2 theo yếu tố chi phí.

* Kết cấu của TK 627 như sau:

Bên nợ: tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

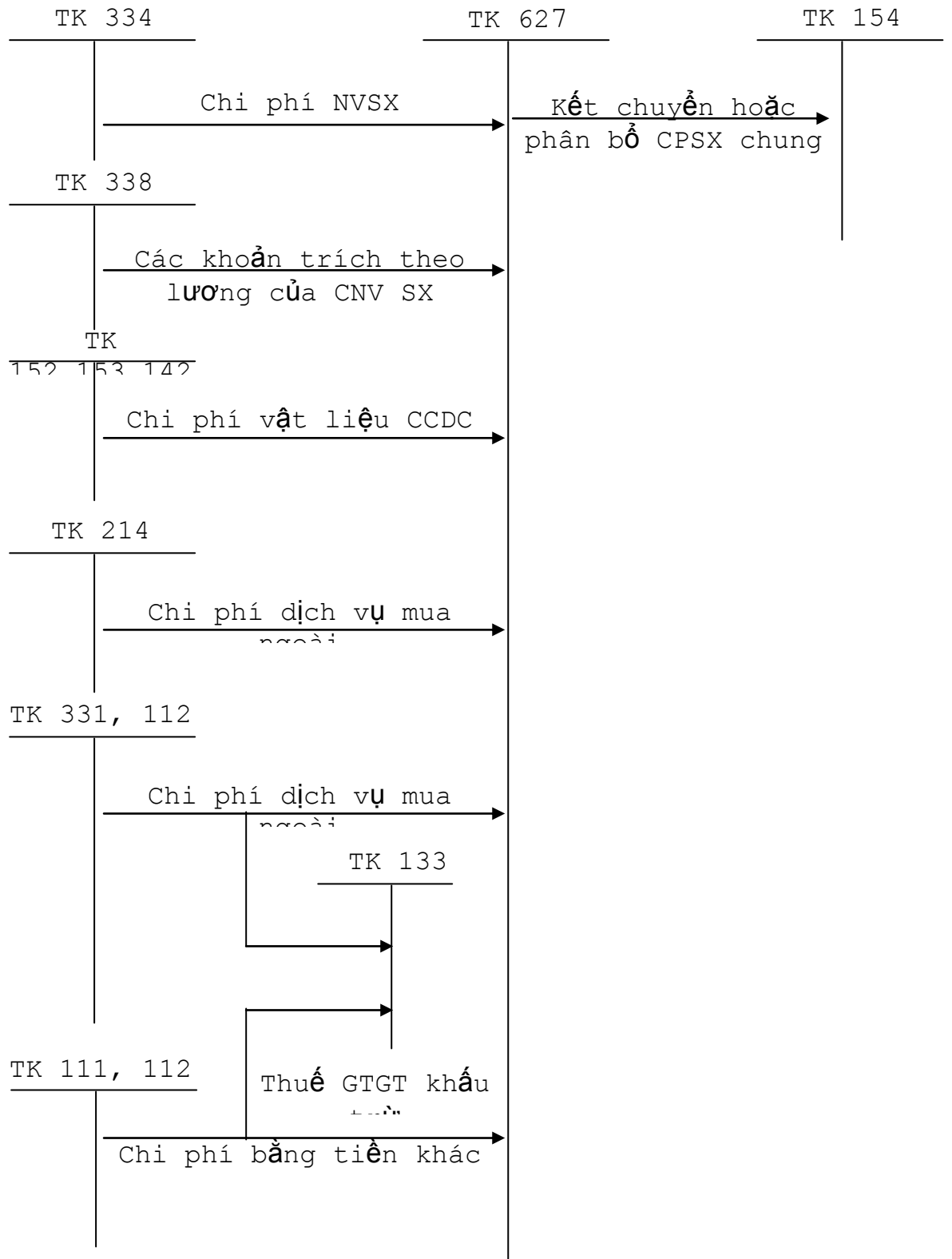
Bên có: kết chuyển hoặc phân bổ chi phí, sản xuất cho các sản phẩm lao vụ có liên quan đến tính giá thành.

+ Các khoản giảm trừ chi phí sản xuất chung

TK 627 không có số dư cuối kỳ

Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



d, Tổng hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp

Chi phí sản xuất sau khi tập hợp riêng từng khoản mục, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung cần được kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành.

TK 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" dùng để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm

- Kết cấu TK 154 như sau:

Bên nợ: kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất sản phẩm trong kỳ

Bên có: giá thành sản phẩm trong kỳ hoàn thành

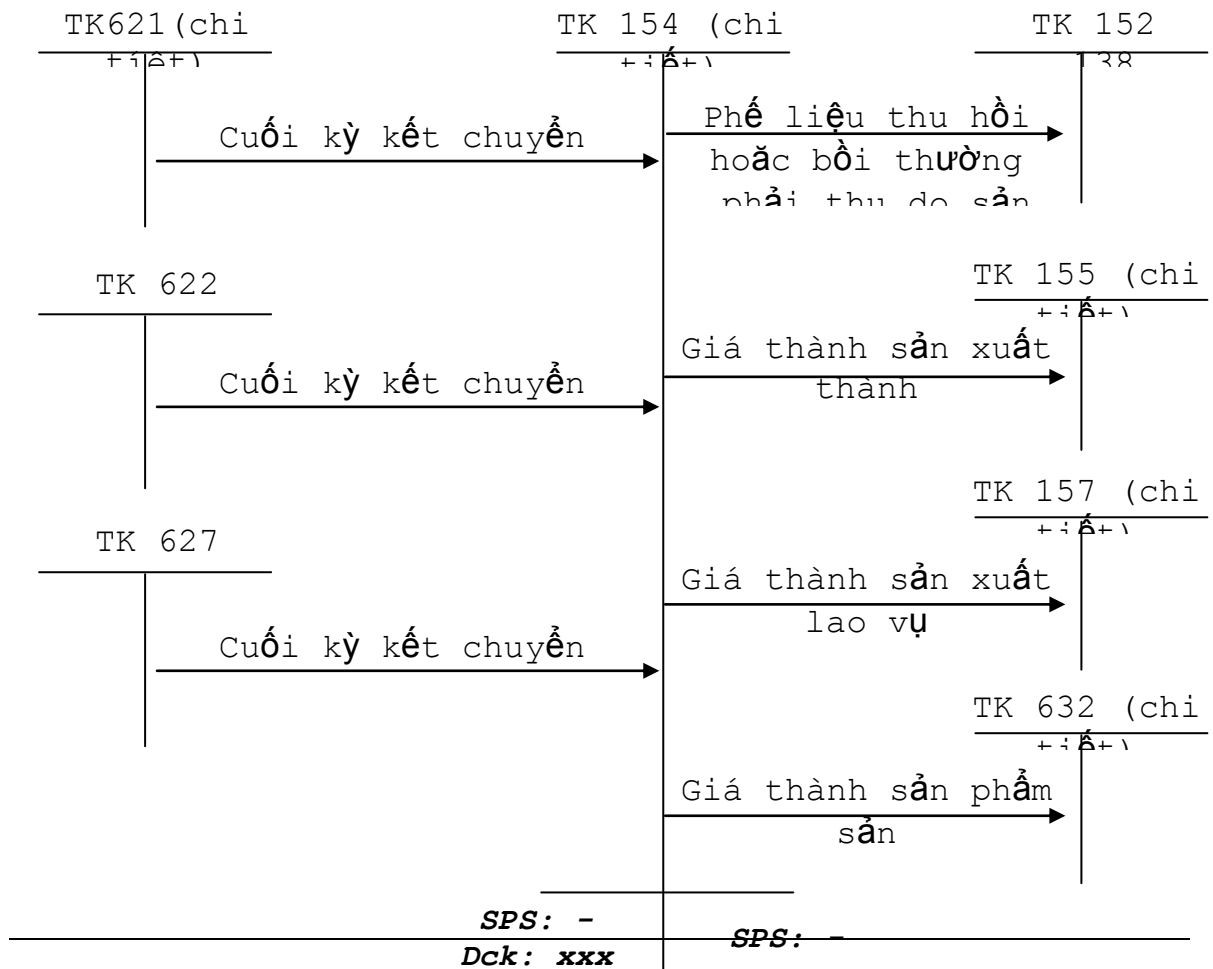
+ Các khoản giảm giá thành:

Dư nợ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

TK 154 được mở cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK liên quan khác như: 111, 632

Sơ đồ hoạch toán tổng hợp chi phí



1.2. Đánh giá sản phẩm đang chế tạo dở dang (DD)

+ Đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nhân công trực tiếp).

Nội dung: theo phương pháp này chi phí sản xuất cho sản phẩm làm dở cuối kỳ chỉ tính chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (NVLTT) hay chi phí nhân công trực tiếp còn các chi phí khác được tính cả cho sản phẩm hoàn thành

Công thức:

$$Dck = ((Dđk + Cv) / (Q + q)) \times q$$

Trong đó: C_v : chi phí NVLTT tập hợp trong kỳ

D_{ck} : chi phí sản xuất kinh doanh dd cuối kỳ

$D_{đk}$: chi phí sản xuất kinh doanh dd đầu kỳ

Q : khối lượng sản phẩm hoàn thành

q : khối lượng sản phẩm làm dở cuối kỳ

- Ưu điểm: Khối lượng tính toán đơn giản thực hiện nhanh khi kiểm kê sản phẩm dở không cần xác định mức độ sản phẩm hoàn thành.

- Nhược điểm: Tính toán không chính xác. Vì trong giá trị sản phẩm làm dở không tính các chi phí khác như chi phí sản xuất chung.

- Điều kiện áp dụng: nên áp dụng ở các doanh nghiệp mà chi phí NVLTT chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, khối lượng sản phẩm làm dở không nhiều, thường ổn định dưới các kỳ.

+ Ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương: Theo phương pháp này đủ các khoản chi phí theo nguyên tắc những chi phí được bỏ vào 1 lần từ đầu quy trình công nghệ thì được tính cho đơn vị sản phẩm làm dở và đơn vị sản phẩm hoàn thành như nhau (những chi phí này thường là chi phí NVLTT).

Những chi phí được bỏ vào quá trình sản xuất lần 2 theo mức độ sản xuất gia công chế biến thì được tính cho sản phẩm làm dở theo sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Xác định sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương và làm dở

Xác định sản lượng = $q \times \% \text{ sản phẩm hoàn thành}$

$(Q) = q \times \% \text{ sản phẩm hoàn thành (mức độ hoàn thành)}$

$Q_{ck} = (D_{đk} + C_v) / (Q + Q) * Q'$

+ Định mức chi phí

- Căn cứ vào khối lượng làm dở trên cùng công đoạn của quy trình sản xuất và căn cứ vào định mức chi phí theo từng khoản mục chi phí trên từng công đoạn của từng sản phẩm để xác định chi phí sản xuất dở dang của từng công đoạn. Sau đó tổng hợp lại để có thể chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang của từng loại sản phẩm trên cả quy trình công nghệ.

1.3. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm

+ Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp)

- Điều kiện áp dụng: quy trình công nghệ sản xuất chỉ tạo ra một loại sản phẩm đối với khối lượng lớn: doanh nghiệp điện, than đá....

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

- Đối tượng tính giá thành: là loại sản phẩm và đơn vị sản phẩm do quy trình sản xuất tạo ra hoàn thành trong quy trình công nghệ này không có sản phẩm dở dang. Do vậy đối tượng tập hợp chi phí trùng với đối tượng tập hợp tính giá thành và ngược lại. Kỳ tính giá thành thường là cuối tháng, cuối năm.

$Z = D_{đk} + C - D_{ck}$

- Nếu có sản phẩm làm hỏng nhưng do cá nhân làm hỏng thì nhà quản lý sẽ quy trách nhiệm và bắt cá nhân đó bồi thường.

$Z = D_{đk} + C - D_{ck} - C \text{ (hỏng)}$

Trong đó: C: là chi phí phát sinh

C: hỏng là chi phí sản phẩm hỏng

* Phương pháp hệ số:

- Điều kiện áp dụng: áp dụng trong trường hợp cùng 1 quy trình công nghệ sản xuất chế tạo ra nhiều loại sản phẩm chính công nghiệp hóa chất.

+ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: là toàn bộ quy trình công nghệ

+ Đối tượng tính giá thành: là từng loại sản phẩm chính hoàn thành và đơn vị sản phẩm chính hoàn thành.

Nội dung:

- Để xác định cho mỗi loại sản phẩm một hệ thống số tính giá thành trong đó loại sản phẩm có hệ số bằng 1 được coi là sản phẩm tiêu chuẩn.

- Căn cứ vào qui đổi sản lượng thực tế của từng loại sản phẩm theo hệ số giá thành để xác định tiêu chuẩn phân bổ

* Phương pháp tỷ lệ

- Điều kiện áp dụng: áp dụng trong doanh nghiệp có 1 quy trình công nghệ sản xuất tạo ra nhóm sản phẩm với nhiều quy cách, kích cỡ, phẩm cấp khác nhau.

VD: công nghệ sản xuất bao bì can ten mã phanh ô tô

- Lựa chọn tiêu chuẩn làm căn cứ xác định tỷ lệ tính giá thành (giá thành định mức của đơn vị sản phẩm).

- Căn cứ vào sản lượng thực tế của từng quy cách và tiêu chuẩn được lựa chọn để xác định tổng tiêu chuẩn phân bổ.

+ Đối tượng tập hợp chi phí: theo nhóm sản phẩm

+ Đối tượng tính giá thành: Theo từng kích cỡ, quy cách hoặc phẩm chất

Tỷ lệ giá thành = **Error!**

Tổng giá thành thực tế; từng quy cách =

Tiêu thức phân bổ từng; quy cách sản phẩm x Tỷ lệ giá thành.

Giá thành đơn vị = **Error!**

* Phương pháp loại trừ chi phí sản phẩm phụ

- Kết quả của quá trình sản xuất sản phẩm doanh nghiệp không những thu được sản phẩm chính mà còn thu được một số sản phẩm phụ nhưng sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành chính vì thế doanh nghiệp cần phải thực hiện công việc loại trừ chi phí sản phẩm phụ.

Tổng giá thành thực tế của sản phẩm chính = CP sản xuất; dở dang đk + CPSXP/S; trong kỳ - CPSX; DD ck - CP sản xuất; sản phẩm phụ

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VIGLACERA

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera tiền thân trước đây là nhà máy xi măng Hà Nội được quyết định thành lập vào ngày 08/01/1958 theo quyết định số: 24/BCN-KH4 do Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp Lê Thanh Nghị ký.

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera là một công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán kinh doanh độc lập tự chủ về tài chính, là một đơn vị thành viên của Tổng công ty Thủy tinh và gốm xây dựng - Bộ xã hội.

- Trước đây, Công ty này có tên gọi là Nhà máy gạch lát hoa và máy phanh ô tô Hà Nội. Bắt đầu kể từ ngày 1/10/2003, Nhà máy này đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera, với 51% vốn Nhà nước.

Hiện nay, trụ sở chính công ty tại số 676 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, Hà Nội và Nhà máy được đặt tại xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội với tổng diện tích mặt bằng là 24.000 km². Nhiệm vụ chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất máy phanh ô tô
- Sản xuất bao bì Carton
- Kinh doanh vật liệu xây dựng

Tiền thân của công ty là một tổ nghiên cứu gồm 6 người được thành lập để sản xuất tấm lợp fibrociment. Theo quyết định số 24/BCN-KH ngày

08/01/1958, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera được thành lập với tên gọi là Nhà máy Fibrociment Hà Nội trực thuộc Cục khai khoáng và luyện kim. Với nhiệm vụ ban đầu là sản xuất tầm lợp fibrociment, công ty có 145 cán bộ công nhân viên và được tổ chức thành các bộ phận sau:

- 1 phân xưởng sản xuất fibrociment
- 1 mỏ amient ở Hòa Bình
- 1 bộ phận kế hoạch cung tiêu
- 1 bộ phận hành chính nhân sự
- 1 bộ phận kế toán tài vụ

Năm 1996, Công ty trở thành đơn vị trực thuộc Tổng cục hóa chất và được giao nhiệm vụ nghiên cứu vật liệu ma sát (má phanh ô tô). Qua nghiên cứu thành công. Công ty đã tiến hành sản xuất với sản lượng ban đầu là 2000 kg má phanh ô tô. Từ đây, mặt hàng này được chính thức đưa vào kế hoạch sản xuất hàng năm của Nhà máy.

Từ tháng 10/2003 thực hiện nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty, Cổ phần. Quyết định số 1108-QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Gạch lát hoa và Má phanh ô tô Hà Nội thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty cổ phần.

Sau khi được chuyển đổi doanh nghiệp Ban lãnh đạo công ty đã tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty cổ phần và thông qua đại hội cổ đông.

Xác định trước tình hình khó khăn hiện nay công ty không ngừng phát huy mở rộng, ngoài hai sản phẩm công ty tự sản xuất: Bao bì Carton và má phanh ô tô thì công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh:

- Vật liệu xây dựng
 - Vật liệu ma sát
 - Vật liệu ngành in
-

- Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera với ngành nghề chủ yếu là sản xuất Bao bì Carton và Má phanh ô tô đã đảm bảo sản xuất sản phẩm đảm bảo về cả số lượng và chất lượng, cầu tiết kiệm chi phí, sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh luôn chú trọng đổi mới công tác quản lý, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo kinh doanh có lãi, nộp đầy đủ các khoản phải nộp với ngân sách Nhà nước đồng thời phải thường xuyên chăm lo, bồi dưỡng đào tạo cán bộ quản lý cũng như các công nhân viên trong công ty để đảm bảo phù hợp với trình độ sản xuất của công ty, và phải luôn chú trọng trang bị các thiết bị bảo hộ lao động, sức khỏe cho người lao động.

2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh doanh độc lập. Bộ máy quản lý của công ty gồm các bộ phận sau:

- Đại hội cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty
 - Hội đồng quản trị: là cơ quan cao nhất của công ty giữa hai kỳ đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định phương hướng tổ chức sản xuất, kinh doanh và các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật.
 - Ban kiểm soát: là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
 - Giám đốc điều hành: Là người đại diện cho pháp luật công ty, trực tiếp điều hành và chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng... Đồng thời là người chịu trách nhiệm trước cổ đông. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
 - Phòng tài chính - kế toán Có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh các nhiệm vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh
-

của Công ty một cách đầy đủ, kịp thời theo đúng phương pháp quy định nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đặc biệt là để phục vụ cho việc quản lý và điều hành công ty của Ban giám đốc. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Phòng kế toán thực hiện toàn bộ công tác hạch toán kế toán. Ngoài ra, dưới phân xưởng có bố trí các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu nhập kiểm tra chứng từ, thực hiện chấm công hàng ngày và chuyển số liệu lên phòng kế toán. Cuối mỗi quý, kế toán trưởng tập hợp số liệu, lập báo cáo kế toán và gửi trình lên giám đốc phê duyệt.

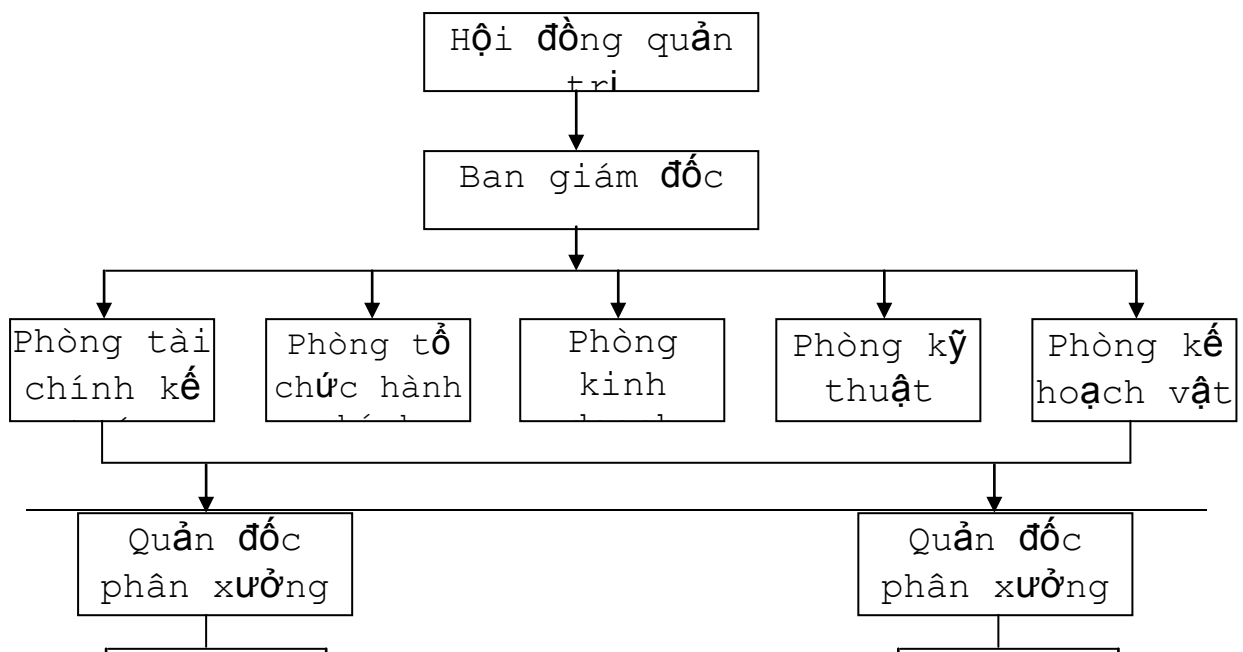
- Phòng kinh doanh: gồm các nhân viên lập kế hoạch kinh doanh cho công ty.

- Phòng kỹ thuật gồm các chuyên viên, kỹ sư phụ trách về công tác kỹ thuật của máy móc, thiết bị đảm bảo sự vận hành của toàn bộ quy trình công nghệ. Trong đó, bộ phận KCS có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm. Đồng thời, cần nắm vững thông tin khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành tổ chức việc chế tạo thử nghiệm sản phẩm mới.

- Phòng kế hoạch vật tư: Có trách nhiệm lập kế hoạch về vật tư đảm bảo cho quá trình sản xuất của Công ty được diễn ra liên tục.

Ngoài các phòng ban chính đó, công ty còn có các bộ phận chức năng khác như: Văn thư, bảo vệ, công đoàn... Trong mỗi phân xưởng, ngoài quản đốc phân xưởng có nhân viên giám sát quá trình sản xuất, còn có các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ thống kê, chấm công, tính toán tiền lương cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

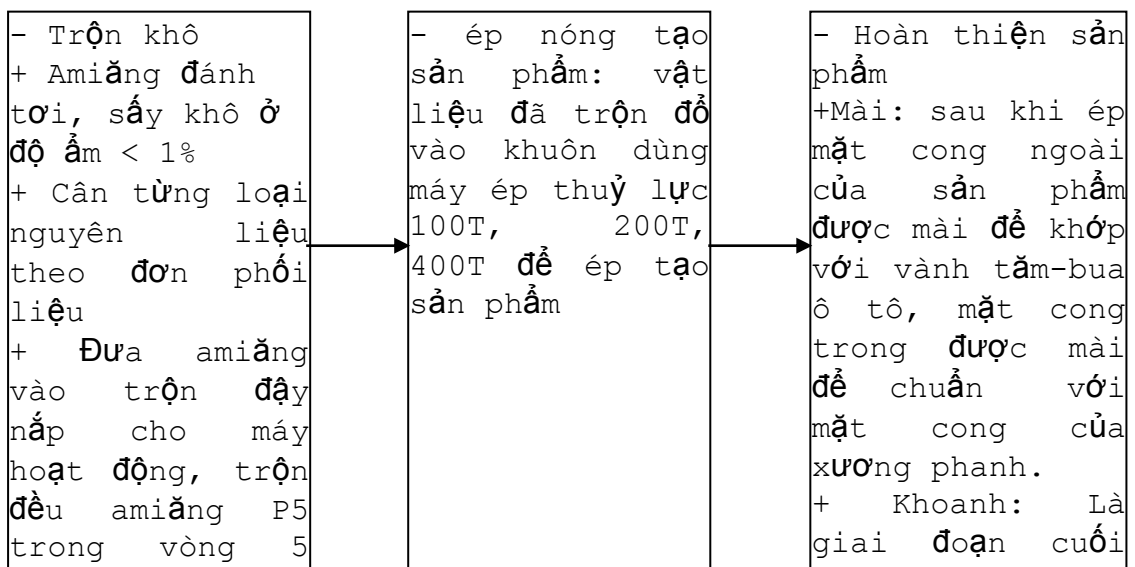


3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty

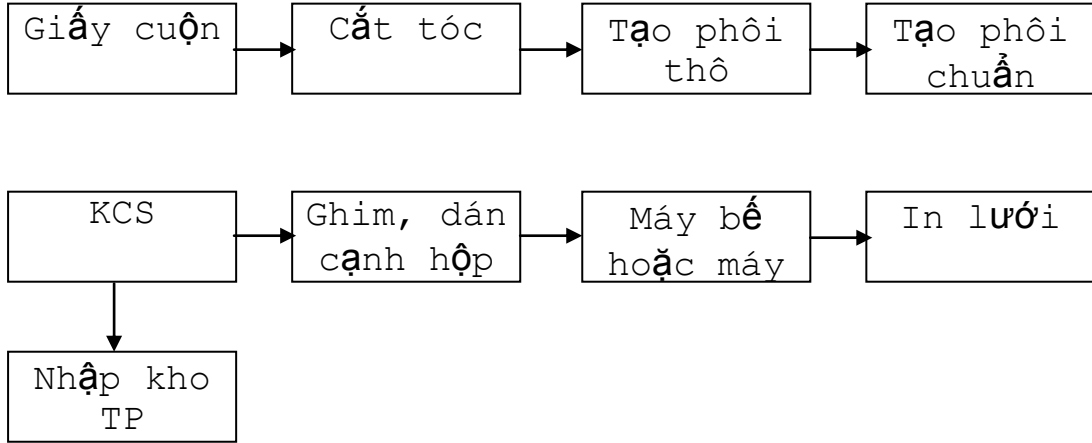
Hiện nay, công ty có hai phân xưởng sản xuất chính: phân xưởng sản xuất má phanh ô tô và phân xưởng sản xuất bao bì Carton bao gồm nhiều tổ đội khác nhau. Phân xưởng sản xuất má phanh ô tô bao gồm các tổ: Tổ trộn, tổ hoàn thiện, tổ ép và bộ phận quản lý phục vụ. Phân xưởng sản xuất bao bì Carton bao gồm các đội: tổ cắt, tổ ghim dán cạnh, tổ in, tổ làm máy, bộ phận quản lý.

Đứng đầu mỗi phân xưởng là quản đốc, có nhiệm vụ quản lý, điều hành phân xưởng mình và chịu sự điều hành của Giám đốc công ty.

Sơ đồ quy trình sản xuất má phanh ô tô



Sơ đồ quy trình sản xuất Bao bì Carton



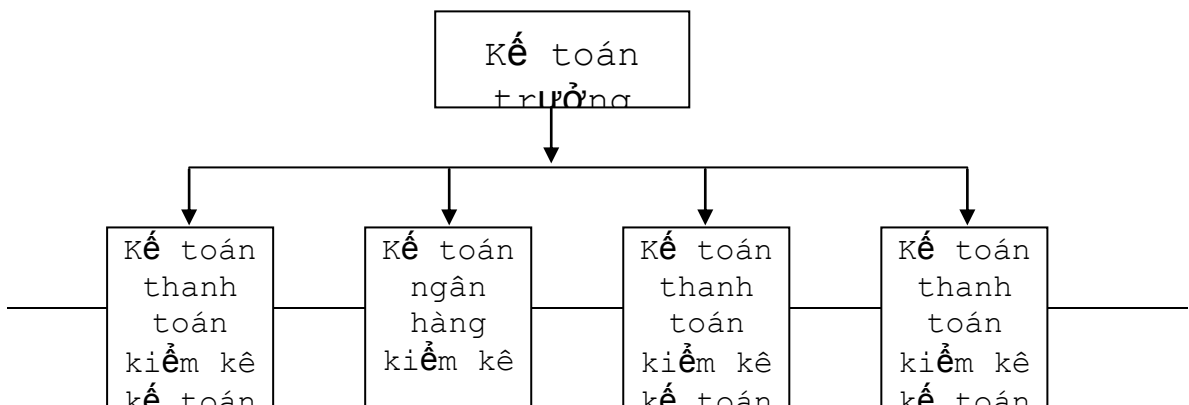
II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIGRACERA

1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công tác kế toán tại doanh nghiệp hiện nay được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán tập trung. Tại phòng kế toán của doanh nghiệp thực hiện mọi công tác kế toán, từ việc thu thập xử lý chứng từ, luân chuyển ghi chép, tổng hợp báo cáo tình chính phân tích kinh tế, thông báo số liệu kế toán cần thiết cho các cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.

Vì Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Vigracera là một công ty nhỏ nên sử dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hợp lý, nó đảm bảo cho sự nắm bắt thông tin kịp thời về các hoạt động kinh tế của ban lãnh đạo doanh nghiệp để có thể dễ dàng thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát.

Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung



Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức nhật ký chung

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Nguyên tắc giá gốc

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên giá

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng

Doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ

- Đặc điểm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Sản phẩm sản xuất chính của công ty má phanh ô tô và bao bì Carton, hai sản phẩm này được sản xuất tại hai phân xưởng khác nhau. Chi phí để sản xuất hai sản phẩm này được hạch toán riêng không liên quan đến nhau. Do đó chi phí sản xuất của doanh nghiệp được tập hợp theo từng phân xưởng sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng m² bao bì Carton và từng kg má phanh ô tô.

- Chi phí sản xuất của doanh nghiệp được phân làm ba loại chi phí:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí các nguyên vật liệu chính bỏ vào sản xuất hai sản phẩm: Giấy krap mộc định lượng 150, 130, 180, mực xanh B19, Zoăng pittông chính TDMYA 450...

- + Chi phí nhân công trực tiếp: Khoản tiền bỏ ra để trả cho công nhân sản xuất hai sản phẩm chính: công nhân các tổ ghim, tổ in, tổ đầu máy...

+ Chi phí sản xuất chung: Các khoản chi có liên quan đến sản xuất: trích khấu hao tài sản cố định, tiền điện, công cụ dụng cụ xuất dùng... Và chi phí để mua quần áo bảo hộ cho công nhân cũng tính vào chi phí sản xuất chung.

• Phương pháp tính giá thành sản phẩm: Do quy trình công nghệ sản xuất không phức tạp và quy mô sản xuất nhỏ vì vậy công ty đã tiến hành tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.1. Chứng từ sử dụng

* Doanh nghiệp sử dụng các chứng từ

+ Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, bảng phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu, hóa đơn tiền điện.

+ Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương công nhân sản xuất, bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

+ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung, phiếu xác nhận hoàn thành sản phẩm.

• Trình tự luân chuyển chứng từ

+ Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Hàng ngày căn cứ vào yêu cầu của lịch sản xuất các tổ sản xuất đối chiếu giữa mức vật tư cần thiết thực tế và lượng vật tư còn tồn ở phân xưởng để lập phiếu yêu cầu lĩnh vật tư. Phiếu phải ghi rõ họ tên, chủng loại, số vật tư cần lĩnh, được quản đốc phân xưởng thông qua và tình lên phòng kế toán. Kế toán căn cứ vào yêu cầu lĩnh và khả năng cung cấp thực tế của kho để lập phiếu xuất kho. Thủ kho dựa vào số lượng ghi trên phiếu xuất kho tiến hành làm thủ tục xuất kho và ghi thẻ kho cho từng loại tương ứng. Cuối ngày, thủ kho giao lại các phiếu xuất kho về phòng kế toán để kiểm tra, ghi sổ kế toán.

+ Đối với chi phí nhân công trực tiếp: Tổ sản xuất ghi bảng chấm công hàng ngày đồng thời các tổ, các tổ trưởng chịu trách nhiệm ghi chép và kiểm tra số lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành ở khâu công việc của mình. Căn cứ vào bảng chấm công, phiếu ghi năng suất lao động cá nhân và đơn giá tiền lương thời gian trả cho công nhân sản xuất. Căn cứ vào phiếu xác nhận hoàn thành và đơn giá lương sản phẩm kế toán tính lương sản phẩm cho công nhân sản xuất. Cuối tháng, các tổ tổng hợp ngày công, kết quả sản xuất đưa lên phân xưởng, phân xưởng tự dựa trên thời gian, kết quả lao động của mỗi tổ để tính lương, thưởng, các khoản giảm trừ của mỗi công nhân, từ đó lập bảng tổng hợp thanh toán tiền lương của cả phân xưởng. Phân xưởng nộp bảng này lên bộ phận tổ chức lao động tiền lương phụ thuộc phòng tổ chức cùng với giải trình chi tiết về công hưởng lương thời gian, công hưởng lương sản phẩm, sản lượng sản xuất của từng tổ, tính chính xác của các chứng từ, phê duyệt và chuyển sang phòng kế toán. Kế toán tiền lương lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, sau đó nhập số liệu vào máy lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 622, và các sổ chi tiết có liên quan.

2.2. Trình tự hạch toán

2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán theo dõi chi tiết nguyên vật liệu được xuất dùng.

Nợ TK 6214: 32560694,64

Giấy Kráp mộc định lượng 150 : 19902329,67

Giấy Kráp mộc định lượng 130 : 3048970,89

Giấy Kráp mộc định lượng 180 : 9609394,08

Có TK 1521: 32560694,64

**Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội**

PHIẾU XUẤT KHO**Số 42**

Ngày 23 tháng 1 năm 2006

Người nhận hàng:

Đơn vị: BCHBT2 - Bùi Thị Hương PX Má phanh

Địa chỉ: Văn phòng phân xưởng má phanh

Nội dung: Xuất vật tư sản xuất má phanh

Mã kho	Tên vật tư	TK nợ	TK có	ĐVT	Số lượng	Giá	Thành tiền
KHOVMT	03352 Zoăng pittông chính TDMYA 450	6212	1524	Cái	10,00		
KHOVMT	03346 Zoăng cao su chịu dầu phi 445	6212	1524	Cái	10,00		
KHOVMT	03345 Zoăng cao su chịu dầu phi 430	6212	1524	Cái	10,00		
KHOVMT	01014 - Bột cao su	6212	1524	Kg	210,00		

Bằng chữ: Không đồng chẵn

Xuất ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận Thủ kho

Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO**Số 40**

Ngày 21 tháng 1 năm 2006

Người nhận hàng:

Đơn vị: BCSTRV - Triệu Văn Sơn

Địa chỉ: Văn phòng phân xưởng bao bì

Nội dung: Xuất vật tư sản xuất bao bì

Mã kho	Tên vật tư	TK nợ	TK có	ĐVT	Số lượng	Giá	Thành tiền
KHOVMT	01106 Dây buộc	6214	1522	M	45,20		
KHOVMT	01039 Ghi dập hộp	6214	1521	Hộp	10,70		
KHOVMT	03025 Găng tay cao su	62734	1528	Đôi	30,00		

Bằng chữ: Không đồng chẵn

Xuất ngàythángnăm

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận Thủ kho

**Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội**

PHIẾU XUẤT KHO

Số 45

Ngày 25 tháng 1 năm 2006

Người nhận hàng:

Đơn vị: BCTHM - Hồ Minh Thu

Địa chỉ: Văn phòng phân xưởng bao bì

Nội dung: Xuất giấy sản xuất bao bì

Mã kho	Tên vật tư	TK nợ	TK có	ĐVT	Số lượng	Giá	Thành tiền
KHOVMT	05102 - Giấy Krap mộc định lượng 150	6214	1521	Kg	5 001,00		
KHOVMT	051010 - Giấy Krap mộc định lượng 130	6214	1521	Kg	763,00		
KHOVMT	05002 - Giấy Krap vàng định lượng 180	62734	1521	Kg	2 028,00		
Tổng cộng							0

Bằng chữ: Không đồng chữ
Xuất ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận Thủ kho

2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm, theo thời gian và có phụ cấp độc hại và phụ cấp trách nhiệm.

Tiền lương thực tế được xác định như sau:

Tiền lương thực tế phải trả; cho công nhân sản xuất =
Số ngày công hưởng; lương thời gian x Đơn giá tiền lương; theo ngày công

Đơn giá theo ngày công = **Error!** x Hệ số cấp bậc lương

Mức lương tối thiểu áp dụng tại Công ty là: 290.000đ/tháng

Tiền lương sản phẩm = Đơn giá tiền lương; sản phẩm x
Số lượng sản phẩm công; nhân đó hoàn thành

Phụ cấp độc hại = Lương sản phẩm x 3%

Phụ cấp trách nhiệm = Lương cơ bản x 10%

Công ty không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất mà hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất.

- Trích KPCĐ, BHXH theo lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

Kể từ năm 2006 bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được gộp lại. Do đó việc trích Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn được tính vào chi phí nhân công trực tiếp theo chế độ.

+ BHXH trích 17% lương cơ bản

+ KPCĐ trích 2% lương thực tế

Trên cơ sở bảng thanh toán lương công nhân trong tháng và tỷ lệ trích KPCĐ, BHXH, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ

trích kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội là 25%, trong đó 6% khấu trừ vào lương công nhân sản xuất, 19% tính vào chi phí để tính giá thành.

Ngoài ra, công ty còn quy định nghỉ lễ, nghỉ phép tính theo lương cấp bậc từng người, cứ 1 ngày nghỉ phép hưởng 100% đơn giá lương thời gian. Công ty không thực hiện trích trước vào chi phí tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất nên không mở TK 335: "Chi phí trả trước" để theo dõi công nhân trong nhà máy đi phép đều đặn nên số này phát sinh không làm cho giá thành sản phẩm biến động

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH kế toán ghi:

Nợ TK 6222: 45.949.100

Nợ TK 6224: 154.190.600

Có TK 334: 200.139.700

**Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội**

ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG CÔNG NHÂN SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Năng suất (ca)	Tiền lương (đ)
1	Vận hành máy sóng xếp gọn theo yêu cầu để giao cho máy kẻ	M2	3.120	33
2	Vận hành máy kẻ dọc, ngang (đã tính vận chuyển phôi)	M2	785	27
3	Vận chuyển máy bỏ			21
4	In lưới	Hộp		
	Hộp thạch bàn			56
	Hộp Hữu Hưng			42
5	Kiểm tra chất lượng sản phẩm	Hộp		5
6	Pha mực in, chụp lưới	Hộp		6
7	Ghim, bó hộp	Hộp		20

8	Dán hộp Thạch Bàn	Hộp		24
9	Nhân viên kinh tế, chế bản	Hộp		6
10	Carton 5 lớp	M2		
	Máy sóng	M2		50
	Máy bô	M2		32
	Máy kẻ dọc, ngang	M2		34
	In	M2		50

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BHXH

Tháng 1/2006

STT	Ghi có TK Ghi nợ TK	TK 334 (lương chính)	TK 338			Tổng cộng
			KPCĐ (2% lương thực tế)	BHXH (17% lương cơ bản)	Cộng có TK 338	
1	TK 622 CP nhân công trực tiếp	200.139.700	4.002.794	6.394.200	10.396.994	210.536.694
	TK 6222 CP nhân công trực tiếp PX má phanh	45.949.100	918.982	1.790.600	2.709.582	48.658.682
	TK 6224 CP nhân công trực tiếp PX bao bì	154.190.600	3.083.812	4.603.600	7.687.412	161.878.012
2	TK 627 CP sản xuất chung	12.245.000	244.900	935.000	1.179.900	13.424.900
	TK 62712 CP nhân viên PX má phanh	5.850.000	117.000	425.000	542.000	6.392.000
	TK 62714 CP nhân viên PX bao bì	6.395.000	127.900	510.000	637.900	7.032.900
3	TK 642 CP quản lý doanh nghiệp	52.364.000	1.047.280	1.360.000	2.407.280	54.771.280
4	TK 641 CP bán hàng	174.250.000	3.485.000	1.241.000	4.726.000	178.976.000
	Cộng	438.998.700	8.779.974	9.930.200	18.710.174	457.708.874

Ngày.....tháng.....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đối với các khoản trích theo lương

Nợ TK 6222: 2.709.582

Nợ TK 6224: 7.687.412

Có TK 338: 10.396.994

Kết chuyển chi phí nhân công vào tài khoản giá thành

Nợ TK 154: 210.536.694

Có TK 622: 210.536.694

2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

* Chi phí nhân viên phân xưởng

Tiền lương nhân viên phân xưởng bao bì (quản đốc phân xưởng, phó quản đốc phân xưởng, nhân viên kinh tế...) được xác định trên cơ sở hệ số lương cấp bậc và mức lương bình quân của cán bộ gián tiếp.

Tiền lương nhân viên; phân xưởng =

Mức lương bình quân của; cán bộ gián tiếp x Hệ số lương cấp bậc

Tiền phụ cấp; trách nhiệm = Tiền lương nhân viên; phân xưởng x
% phụ cấp; trách nhiệm

Tổng tiền lương nhân; viên phân xưởng

= Tổng tiền lương nhân viên phân; xưởng hưởng lương cán bộ; gián tiếp +
Tiền phụ cấp; trách nhiệm

* Chi phí vật liệu

Vật liệu tính vào sản xuất chung: dây điện, vải vụn... Nhân viên sản xuất khi cần những vật liệu này để dùng cho sản xuất phải viết phiếu yêu cầu lĩnh vật tư. Khi nhận được phiếu yêu cầu lĩnh vật tư do phân xưởng gửi lên, kế toán viết phiếu xuất kho giao cho thủ kho. Thủ kho tiến hành giao toàn bộ số công cụ, dụng cụ cho phân xưởng theo số lượng ghi trên phiếu xuất kho.

* Chi phí khấu hao TSCĐ

Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

Mức trích khấu hao năm = Nguyên giá TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao

Số tiền trích khấu; hao tháng = **Error!**

* Chi phí dịch vụ mua ngoài:

**Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội**

PHIẾU XUẤT KHO

Số 39

Ngày 20 tháng 1 năm 2006

Người nhận hàng:

Đơn vị: BCHBT2 - Bùi Thị Hương PX Má phanh

Địa chỉ: Văn phòng phân xưởng má phanh

Nội dung: Xuất vật tư sản xuất má phanh

Mã kho	Tên vật tư	TK nợ	TK có	ĐVT	Số lượng	Giá	Thành tiền
KHODCM	04337 - Dây điện đôi 4 ly	62732	1524	M	50,00		
KHODCM	01111 Dây điện 2*4	62732	1524	M	50,00		
KHODCM	04088 Cầu đấu dây	62732	1524	Cái	1,00		
KHODCM	03020 Vải vụn	62732	1524	Kg	108,00		
						Tổng cộng	0

Bằng chữ: Không đồng chữ

Xuất ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận Thủ kho

Với chi phí dịch vụ mua ngoài thì chứng từ chủ yếu là hoá đơn GTGT thanh toán tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại.

Đối với chi phí về nước, do quá trình sản xuất sản phẩm bao bì và má phanh không sử dụng đến nước cho nên nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của nhân viên trong phân xưởng nên phát sinh không nhiều. Trong tháng 1/2006, khối lượng nước sử dụng thực tế là: 36m^3 với đơn giá là $2000\text{đ}/\text{m}^3$ (đối với phân xưởng sản xuất bao bì).

Ta có chi phí về nước của phân xưởng được xác định: $36\text{m}^3 \times 2000 = 72.000\text{đ}$ (Giá chưa có thuế GTGT). Bên cạnh đó, chi phí về sử dụng điện thoại của phân xưởng là: 200.968đ , thuế GTGT 10% là: 20.097đ

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Từ ngày 28/12/2005 đến ngày 28/1/2006

Công ty điện lực TP Hà Nội

Ký hiệu: AA/2005T

Điện lực Từ Liêm

Số: 0951703

Địa chỉ:.....

Mã số thuế: 0100101114-1

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera

Địa chỉ: Đại Mỗ - Từ Liêm - Hà Nội

Mã số KH: 092181

Số công tơ: 52116

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số	ĐN tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
1.852.116	1.808.598	1.0	43.518	700	30.462.709

Ngày 28/1/2006	Cộng	30.462.709
Giám đốc (Ký, đóng dấu)	Thuế suất GTGT (10% thuế GTGT)	3.046.271
	Tổng cộng tiền thanh toán	33.508.980
Số tiền viết bằng chữ	Ba mươi triệu năm trăm linh tám nghìn chín trăm tám mươi đồng	

Căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán ghi

Nợ TK 62774:30.735.677

Nợ TK 133: 3.073.568

Có TK 111: 33.809.245

* Chi phí bằng tiền khác

Chi phí khác bằng tiền là các khoản chi phí ngoài các khoản đã nêu trên phát sinh trực tiếp ở các phân xưởng như: chi phí giao dịch, chi phí tiếp khách, bảo dưỡng máy...

Cuối tháng, dựa vào bảng kê chi tiết cột ghi có TK 111 - Tiền mặt và cột ghi nợ TK 6278 - Chi phí khác bằng tiền, máy tự động cộng toàn bộ chi phí khác bằng tiền phát sinh trong tháng 1/2006 tại phân xưởng.

Cơ sở để vào bảng kê chi tiền là giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, phiếu chi.

2.2.4. Kế toán thiệt hại trong sản xuất

Sản phẩm hỏng của công ty là sản phẩm không thoả mãn tiêu chuẩn chất lượng đặc điểm kỹ thuật của sản xuất về màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, cách thức lắp ráp... Tuỳ thuộc mức độ hư hỏng mà sản phẩm hỏng được chia thành sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được và sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

Tại công ty những sản phẩm hỏng trong định mức là những sản phẩm công ty dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất, vì đây là những sản phẩm không tránh khỏi bị hỏng nên chi phí cho những sản phẩm này sau khi được hạch toán vào các TK chi phí như TK 621, TK 622, TK627 và chuyển về TK

154 thì chi phí đã được tập hợp cho những sản phẩm trên TK này được gọi là chi phí sản xuất chính phẩm.

Đối với những sản phẩm hỏng ngoài định mức là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến công ty do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng, hoả hoạn... công ty không cộng chi phí của chúng vào chi phí sản xuất chính phẩm, mà chỉ xem là các khoản phí tổn thời kỳ, công ty xem xét các nguyên nhân cụ thể và xử lý, thực hiện bồi thường, đền bù thiệt hại, trừ vào thu nhập...

Tuy nhiên, do công ty cho đến nay thiệt hại là không đáng kể nên công ty chưa có những biện pháp cụ thể để hạch toán

2.2.5. Kế toán tổng hợp

Cuối tháng kế toán tập hợp chi phí để kết chuyển vào tài khoản giá thành

Tại phân xưởng sản xuất má phanh ô tô

Nợ TK 154: 244.657.292

Có TK 6212: 112.713.331

Có TK 6222: 48.658.682

Có TK 627: 83.285.279

Tại phân xưởng sản xuất bao bì Carton

Nợ TK: 390.972.963

Có TK 6214: 157.209.351

Có TK 6224: 161.878.012

Có TK 627: 71.885.600

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG
Tháng 1/2006

STT	Tên tài khoản	TK 6271	TK 6272	TK 6274	TK 6277	TK 6278	Tổng cộng
1	Lương và các khoản phải trả nhân viên PX PX má phanh ô tô PX bao bì Carton	13.424.900 6.392.000 7.032.900					13.424.900
2	Vật tư PX má phanh ô tô PX bao bì Carton		10.441.021 10.041.024 400.000				10.441.021
3	Khấu hao TSCĐ PX má phanh ô tô PX bao bì Carton			67.224.571 50.670.251 16.554.320			67.224.571
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài PX má phanh ô tô PX bao bì Carton				34.080.378 571.398 33.508.980		34.080.378
5	Chi phí bằng tiền khác PX má phanh ô tô PX bao bì Carton					30.000.000 15.610.600 14.389.400	30.000.000
	Tổng cộng	13.424.900	10.441.021	67.224.571	34.080.378		155.170.870

Ngày 31 tháng 01 năm 2006

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT MÁ PHANH Ô TÔ
Tháng 1/2006

	TK 152	TK 334	TK 214	TK 6214	TK 6224	TK 627	Nhật ký đặc biệt		Công CPSX phát sinh
							Chi tiêu	Mua hàng	
TK 1544				112.713.331	48.658.682	83.285.279			244.657.292
TK 6214	112.713.331								112.713.331
TK 6224		48.658.682							48.658.682
TK 627	10.041.024	6.392.000	50.670.251			83.285.279	15.610.600	571.398	83.285.273

Ngày 31 tháng 01 năm 2006

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

**Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON
Tháng 1/2006**

	TK 152	TK 334	TK 214	TK 6214	TK 6224	TK 627	Nhật ký đặc biệt		Công CPSX phát sinh
							Chi tiêu	Mua hàng	
TK 1544				157.209.351	161.878.012	71.885.600			390.972.963
TK 6214	157.209.351								157.209.351
TK 6224		161.878.012							161.878.012
TK 627	400.000	7.032.900	16.554.320				14.389.400	33.508.980	71.885.600

Ngày 27 tháng 01 năm 2006

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

2.3.Sổ kế toán

Doanh nghiệp hiện nay đang áp dụng hình thức sổ: Nhật ký chung và để thuận tiện cho việc theo dõi tình hình thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời để giảm bớt công việc quá tải của phòng kế toán vào những lúc quyết toán hay những lúc nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều doanh nghiệp đã sử dụng phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ hạn chế được những sai sót khi thực hiện các quá trình vào sổ.

Chứng từ phát sinh hàng ngày được mã hoá và cập nhật trong menu cụ thể, hệ thống sổ chi tiết được lưu giữ trong máy.

Quy trình xử lý số liệu của phần mềm kế toán Fast Accouting

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh → Lập chứng từ → Chứng từ kế toán
Nhập chứng từ vào các phân hệ nghiệp vụ → Các tệp nhật ký → Chuyển sang sổ cái → Tệp sổ cái → Lên báo cáo → Sổ sách kế toán báo cáo tài chính.

Để mã hoá doanh nghiệp dùng phương pháp đánh số lần lượt tăng dần theo số phát sinh của các danh điểm mới bắt đầu từ 00001.

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 621

Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
	1	3/1/2006	Xuất mực đen sản xuất bao bì	1521	2000125,44	
	1	3/1/2006	Xuất mực đỏ (04) sản xuất bao bì	1521	1408604,4	
	2	6/1/2006	Xuất cầu đầu dây phục vụ sản xuất má phanh		57690	
	3	6/1/2006	Xuất keo con voi phục vụ sản xuất		102765	
			
			
	40	21/01/2006	Xuất dây buộc đê sản xuất bao bì	1522	241820	
	40	21/01/2006	Xuất ghim dập hộp sản xuất bao bì	1522	132210,27	
	42	23/01/2006	Xuất Zoăng pittông chính TDMYA 450 SX má phanh	1524	1070040,32	
	42	23/01/2006	Xuất Zoăng cao su chịu dầu phi 445 sản xuất má phanh	1524	977235,65	
	42	23/01/2006	Xuất Zoăng cao su chịu dầu phi 430 sản xuất má phanh	1524	935365,65	
	44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 150 sản xuất bao bì	1521	19902329,67	
	44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 130 sản xuất bao bì	1521	3048970,89	
	44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 180 sản xuất bao bì	1521	9609394,08	
	46	26/01/2006	Xuất lưới in bao bì sản xuất bao bì	1528	1230168,5	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp PX bao bì	1544		157209351
		27/01/2007	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp PX má phanh	1542		112713331
			Tổng số phát sinh		269922682	269922682

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 622

Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		26/01/2006	Tính tiền lương công nhân sản xuất bao bì	334	154190600	
		26/01/2006	Tính tiền lương công nhân sản xuất má phanh	334	45949100	
		26/01/2006	Trích BHXH và KPCĐ cho công nhân PX bao bì	338	7687412	
		26/01/2006	Trích BHXH và KPCĐ cho công nhân PX má phanh	338	2709582	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí tiền lương công nhân PX bao bì	1544		
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí tiền lương công nhân PX má phanh	1542		161878012
						4865682
			Tổng số phát sinh		210536694	210536694

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 627
Tháng 1/2006**

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
3		3/1/2006	Chi tiền bảo dưỡng xe máy phục vụ sản xuất bao bì	111	3256695	
3		3/2/2006	Chi tiền bảo dưỡng máy phục vụ sản xuất má phanh	111	4569235	
		
		
39		20/01/2006	Xuất dây điện đôi 4 ly phục vụ sản xuất má phanh	1524	1190000	
39		20/01/2006	Xuất dây điện 2*4 phục vụ sản xuất má phanh	1524	1066000	
39		20/01/2006	Xuất cầu đầu dây phục vụ sản xuất má phanh	1524	43200	
39		20/01/2006	Xuất vải vụn phục vụ sản xuất má phanh	1524	1341360	
40		21/01/2006	Xuất găng tay cao su phục vụ sản xuất bao bì	1528	197820	
15		23/01/2006	Mua gỗ dán phục vụ sản xuất bao bì	111	265000	
16		23/01/2006	Chi tiền bảo dưỡng máy phục vụ sản xuất bao bì	111	2356465	
45		25/01/2006	Xuất găng tay cao su phục vụ sản xuất má phanh	1528	151662	
		26/01/2006	Tính lương nhân viên phục vụ sản xuất bao bì	334	6395000	
		26/01/2006	Tính lương nhân viên phục vụ sản xuất má phanh	334	5850000	
		26/01/2006	Trích BHXH, KPCĐ cho nhân viên phân xưởng bao bì	338	637900	
		26/01/2006	Trích BHXH, KPCĐ cho nhân viên phân xưởng bao bì	338	542000	
		26/01/2006	Trích KHTSCĐ phân xưởng sản xuất bao bì	214	16554320	
		26/01/2006	Trích KHTSCĐ phân xưởng sản xuất má phanh	214	50670251	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí sản xuất chung PX bao bì	1544		71885600
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí sản xuất chung PX má phanh	1542		83.285.279

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 154

Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		82.631.933	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu PX bao bì	6214	157.209.351	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu PX má phanh	6212	112.713.331	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp PX bao bì	6224	161.878.012	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp PX má phanh	6222	48.658.682	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí sản xuất chung PX bao bì	627	83.285.279	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí sản xuất chung PX má phanh	627	71.885.600	
		27/01/2006	Nhập kho thành phẩm bao bì	155		354.006.736
		27/01/2006	Nhập kho thành phẩm má phanh	155		276.695.235
			Cộng phát sinh		635.630.255	630.701.971
			Số dư cuối tháng		87.560.217	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 6214
Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
1	3/1/2006	Xuất mực đen sản xuất bao bì	1521	2000125,44		
1	3/1/2006	Xuất mực đỏ (04) sản xuất bao bì	1521	1408604,4		
				
40	21/01/2006	Xuất dây buộc để sản xuất bao bì	1522	214820		
40	21/01/2006	Xuất ghim dập hộp sản xuất bao bì	1522	132210,27		
44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 150 sản xuất bao bì	1521	19902329,67		
44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 130 sản xuất bao bì	1521	3048970,89		
44	25/01/2006	Xuất giấy Krap mộc định lượng 180 sản xuất bao bì	1521	9609394,08		
46	26/01/2006	Xuất lưới in bao bì sản xuất bao bì	1528	1230168,5		
	27/01/2006	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp PX bao bì	1544		157209351	
		Tổng cộng		157209351	157209351	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 6224
Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
		26/01/2006	Tính tiền công nhân sản xuất	334	154190600	
		26/01/2006	Trích BHXH và KPCĐ	338	7687412	
		27/01/2006	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	1544		161878012
			Tổng cộng		161878012	161878012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 6214
Tháng 1/2006

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
	3	3/1/2006	Chi tiền bảo dưỡng máy phục vụ sản xuất bao bì	111	3256695	
		
		
	40	21/01/2006	Xuất găng tay cao su phục vụ sản xuất bao bì	1528	197820	
	15	23/01/2006	Mua gỗ dán phục vụ sản xuất bao bì	111	265000	
	16	23/01/2006	Chi tiền bảo dưỡng máy phục vụ sản xuất bao bì	111	2356465	
		26/01/2006	Tính lương nhân viên phục vụ sản xuất bao bì	334	6395000	
		26/01/2006	Trích BHXH, KPCĐ cho nhân viên phân xưởng bao bì	338	637900	
		26/01/2006	Trích KHTSCĐ phân xưởng sản xuất bao bì	214	16554320	

		27/01/2006	Kết chuyển chi phí sản xuất chung PX bao bì	1544		71885600
			Tổng cộng		71885600	71885600

Người lập biểu

Kế toán trưởng

3. Giá thành sản phẩm

3.1. Kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera, chi phí sản xuất làm dở cuối tháng được tính theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính. Cụ thể việc tính toán được tiến hành như sau: công thức tính giá trị sản phẩm dở dang cuối tháng:

$$\text{Chi phí SPDDCK} = \frac{\text{CP NVL của SPDD đầu kỳ} + \text{CP NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{KL sản phẩm hoàn thành} + \text{KL sản phẩm DDCK}} \times \text{KL sản phẩm DDCK}$$

Tại phân xưởng bao bì sản phẩm dở dang đầu tháng 1/2006 đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là 43.007.026đ.

Căn cứ vào giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ, bảng tập hợp chi phí sản xuất từng phân xưởng. Ta có giá trị sản phẩm dở dang cuối tháng của sản phẩm bao bì:

$$\text{Error!} \times 53.545,24 = 76.048/.193đ$$

3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Công ty Cổ phần và sản xuất thương mại Viglacera có quy trình sản xuất bao bì là dây chuyền sản xuất kiểu liên tục, chỉ những sản phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng mới là thành phẩm. Công ty không có nửa thành phẩm bán ra ngoài hay nhập kho. Xuất phát từ đặc điểm này, kế toán xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm bao bì hoàn thành nhập kho. Đơn vị tính giá thành là m² bao bì hoàn thành. Để phù hợp với yêu cầu quản lý, Công ty quy định tính giá thành là tháng.

Do quy mô doanh nghiệp nhỏ và quy trình sản xuất sản phẩm không phức tạp nên doanh nghiệp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

Trình tự khai báo và tính giá thành sản phẩm:

- Khai báo các thông tin để tính giá thành
- + Khai báo bộ phận hạch toán: Theo từng phân xưởng
- + Khai báo danh mục chi phí tính giá thành: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Cập nhật số liệu dở dang đầu kỳ
- + Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ
- + Cập nhật nguyên vật liệu dở dang đầu kỳ
- Các bước tính giá thành sản phẩm
- + Cập nhật số số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ
- + Cập nhật nguyên vật liệu trực tiếp dở dang cuối kỳ
- + Tính giá xuất nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ
- + Kết chuyển chi phí trực tiếp
- + Tính số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ
- + Tính giá thành sản phẩm
- + Điều chỉnh giá thành
- + Cập nhật giá cho các phiếu nhập kho thành phẩm

Tổng giá; thành SP = CP của SP dở; dang đầu kỳ +
 CPSX phát sinh; trong kỳ - CP của SP dở; dang cuối kỳ

Tổng giá; thành SP = 43.007.026 + 390.972.963 -
 45.124.449

= 357.931.796

Giá thành; đơn vị = $\frac{357.931.796;87.426}{34} = 4.049,2$

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera
Phân xưởng sản xuất bao bì

BIÊN BẢN KIỂM KÊ SẢN PHẨM DỒ DANG CUỐI KỲ PX BAO BÌ
Ngày 27 tháng 01 năm 2006

Tiến hành hồi: 15h00' ngày 27 tháng 01 năm 2006

Thành phần: 1. Vũ Văn Duy: Phòng kỹ thuật
2. Đỗ Trọng Tấn: Phòng kế toán
3. Lê Văn Hải: Quản đốc phân xưởng

STT	Bộ phận	ĐVT	Số lượng
01	Tổ sóng	m ²	15.183,14
02	Tổ kẻ	m ²	10.112,00
03	Tổ bỏ	m ²	9.000,00
04	Tổ in lưới	m ²	9.570,00
05	Tổ hoàn thiện	m ²	9.680,00
	Cộng	m ²	53.545,24

Kế toán trưởng

Quản đốc phân xưởng

Người lập phiếu

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội

PHIẾU XÁC NHẬN SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

Tháng 1/2006

Tiến hành hồi: 15h00' ngày 27 tháng 01 năm 2006

Thành phần:

1. Vũ Văn Duy: Phòng kỹ thuật
2. Đỗ Trọng Tấn: Phòng kế toán
3. Lê Văn Hải: Quản đốc phân xưởng
4. Nguyễn Quang Bình: Quản đốc PX má phanh

Tiến hành kiểm kê toàn bộ sản phẩm hoàn thành tại các phân xưởng đến hết ngày 27

STT	Bộ phận	ĐVT	Số lượng
1	Bao bì Carton	m ²	7.884
2	Má phanh ô tô	kg	87.426,34

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera
676 - Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM BAO BÌ

Tháng 1/2006

Đơn vị: đồng

Sản lượng sản phẩm hoàn thành: 87426,34m²

STT	Khoản mục	CPSXDD đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	CPSXDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
1	CP nguyên vật liệu trực tiếp	43007026	157209351	76048193	124168184	1420,3
2	CP nhân công trực tiếp		161878012		161878012	1851,6
3	CP sản xuất chung		71885600		71885600	822,3
	CP nhân viên phân xưởng		7032900		7032900	80,44
	CP vật liệu xuất dùng		400000		400000	4,58
	CP dịch vụ mua ngoài		33508980		33508980	383,3
	CP bằng tiền khác		14389400		14389400	164,59
	Trích khấu hao TSCĐ		16554320		16554320	189,35
	Cộng	43007026	390972963		357931797	4049,2

Giám đốc

Kế toán trưởng

Quản đốc phân xưởng

Người lập

PHẦN III

MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN

TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIGLACERA

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Nhìn chung các doanh nghiệp đều tôn trọng nguyên tắc giá phí trong việc xác định giá trị của các đối tượng cần tính giá. Việc tổ chức công tác tính giá cho các đối tượng cần tính giá theo các yếu tố cấu thành giá mà doanh nghiệp đã và đang thực hiện là 1 trong các nội dung biểu hiện trong công tác kế toán tại doanh nghiệp. Sản phẩm hoàn thành là thành quả của 1 quá trình lao động và sản xuất của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp. Nhưng để có được như mong muốn đòi hỏi doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều chi phí cũng như công sức lao động của những người tham gia. Việc tập hợp các khoản chi phí này cho phép tính được tổng chi phí đã chi ra, giá thành sản xuất của sản phẩm từ đó xác định mức giá tối thiểu bán các sản phẩm để thu về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Như vậy, trong công tác quản lý doanh nghiệp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất trong quá trình hoạt động kinh doanh của cả doanh nghiệp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có 1 tầm quan trọng đặc biệt, là 1 phần hành không thể thiếu trong công tác kế toán của

bất kỳ 1 doanh nghiệp nào nhằm cung cấp thông tin cần thiết để tính đúng tính đủ chi phí sản xuất và tính toán chính xác giá thành sản phẩm. Do đó, các thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được các nhà quản lý quan tâm, chúng là những chỉ tiêu phản ánh chất lượng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mang lại cho những nhà quản lý nhiều định hướng cũng như các quyết định quan trọng trong việc điều hành. Mục tiêu phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là điều kiện chủ yếu giúp cho sản phẩm của doanh nghiệp có thể đứng vững chắc trên thị trường cạnh tranh.

Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ vào sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là 1 bộ phận quan trọng trong toàn bộ nội dung tổ chức kế toán tại doanh nghiệp. Do đó, công tác kế toán này phải tuân theo những nguyên tắc chung.

Trước hết, tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đúng với luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, phù hợp với những yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước. Bên cạnh đó tổ chức công tác kế toán này phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ, văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác tổ chức kế toán này. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả.

- Thống nhất trong tổ chức

+ Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất giữa chỉ tiêu quản lý và chỉ tiêu hạch toán.

+ Doanh nghiệp cũng phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp hạch toán trong một niên độ kế toán. Doanh nghiệp chọn phương pháp hạch toán phải sử dụng hết chu kỳ kế toán (1 năm) mới được phép thay đổi. Ví dụ doanh nghiệp chọn phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp FIFO. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

+ Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất về hệ thống tài khoản và sổ kế toán.

- Nguyên tắc phù hợp về loại hình kinh doanh là doanh nghiệp sản xuất, điều kiện cơ sở vật chất phù hợp.

+ Doanh nghiệp đảm bảo sự phù hợp về quy mô hoạt động

+ Sự phù hợp đối với yêu cầu về trình độ quản lý

+ Doanh nghiệp phải tính đến khả năng hạch toán của đơn vị; sự phù hợp về nhân sự cũng như thay đổi về nhân sự.

+ Việc ghi nhận chi phí là phải phù hợp. Đó là sự phù hợp giữa ghi nhận doanh thu và chi phí ghi nhận 1 khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu là khoản chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu trong kỳ đó.

Ngoài ra, tổ chức công tác kế toán này phải có sự thận trọng, chi phí được ghi nhận kho có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí đó.

3. Nhận xét chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Quá trình hoạt động sản xuất kế toán giữa công ty từ khi thành lập cho tới nay đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện ở chặng đường

phần đầu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm cùng với sự mở rộng không ngừng quy mô sản xuất khiến sản phẩm của công ty ngày càng thích nghi với nhu cầu của thị trường, tạo điều kiện để từng bước hòa nhập với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường là 1 cơ quan nhạy bén cùng những cơ chế kinh tế mới, công ty cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera đã có những phát triển khá nhanh. Sự năng động, linh hoạt cùng với việc ứng dụng kịp thời công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty đã từng bước phát huy hiệu quả, giảm bớt khối lượng ghi chép, hạch toán và cung ứng thông tin nhanh chóng, kịp thời cho ban lãnh đạo công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra những quyết định đúng đắn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được việc đã đưa ra các giải pháp phù hợp trong điều kiện hiện nay chỉ có thể thực hiện trên cơ sở sản phẩm phân tích đánh giá 1 cách đầy đủ, khách quan tình hình quản lý của công ty mà nội dung chủ yếu là công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, công ty luôn cố gắng nghiên cứu tìm ra những biện pháp cụ thể về quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Song nói như vậy không có nghĩa là không có những hạn chế trong công tác kế toán tại công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập lần đầu tiên được quen với thực tế, em xin nêu ra 1 số ý kiến nhận xét về công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty nói riêng như sau:

3.1. Những ưu điểm trong công tác tổ chức quản lý kế toán tại công ty

- Tại công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật thường xuyên, đầy đủ chính vì vậy, công ty luôn đảm bảo cho việc lập và nộp báo cáo kịp thời cho cấp trên và đơn vị chủ quản vào cuối mỗi quý.

- Công ty đã xây dựng giá thành định mức trên cơ sở định mức tiêu hao nguyên vật liệu chính, định mức tiền lương... làm thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng các loại vật tư, tiền vốn... cũng như giải pháp công ty áp dụng trong sản xuất kinh doanh.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán về cơ bản là phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty. Việc tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, hợp lý hoạt động có nề nếp, kinh nghiệm. Các cán bộ kế toán có trình độ nghiệp vụ cao nắm vững chế độ và vận dụng 1 cách linh hoạt, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ lẫn nhau trong công việc. Song có điểm công ty nên xem xét lại đó là không nên để 1 kế toán viên kiêm nhiệm thủ quỹ, vì làm như vậy trái với nguyên tắc kế toán.

- Hình thức nhật ký chung được sử dụng tại công ty là hoàn toàn phù hợp với hình thức kế toán máy và tạo thuận lợi cho công ty trong việc cơ giới hóa công tác kế toán.

- Đối với công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công ty đã tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm khá nề nếp đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện của công ty đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý tạo điều kiện để công ty thực hiện tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đây là một trong những mặt tích cực mà công ty đã xác định khi chuyển sang cơ chế thị trường tuy nhiên trong kỷ luật hạch toán vẫn còn có những vấn đề chưa thực sự hợp lý, cần nghiên cứu hoàn thiện thêm.

- Về đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất: Quy trình công nghệ sản xuất bao bì là ruột quy trình phức tạp, liên tục sản phẩm sản xuất ra phải trải qua nhiều công đoạn khác nhau, do đó trong cơ cấu phân xưởng có nhiều tổ việc công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở công ty theo phân xưởng đã tạo điều kiện cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất được tiến hành nhanh chóng.

- Về kế toán chi phí nguyên vật liệu: công tác kế toán này được thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng chế độ, các phiếu xuất kho NVL được cập nhật đầy đủ, kịp thời tạo thuận lợi cho việc tính giá vật liệu xuất kho và tính giá thành sản phẩm. Ngoài ra, công ty đã mở sổ ghi chép phù hợp với hình thức kế toán áp dụng tại công ty. Hệ thống kế toán được mở chi tiết TK cấp 2 cấp 3 giúp tập hợp chi phí sản xuất dễ dàng thuận tiện trong việc ứng dụng kế toán máy.

- Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp: công ty áp dụng hình thức trả lương sản phẩm, khuyến khích người lao động làm việc hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, công tác hạch toán tiền lương được thực hiện nghiêm túc, đúng chế độ quy định.

- Về kế toán chi phí sản xuất chung: công tác kế toán này được tiến hành tương đối theo đúng quy định.

- Tổ chức đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo quan điểm của công ty giá trị sản phẩm dở dang cuối tháng là vật liệu chính ở các phân xưởng công ty căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm để áp dụng phương pháp này. Theo đó, toàn bộ chi phí chế biến được tính hết cho thành phẩm. Vì thế trong sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị vật liệu chính. Điều này khá thuận tiện và phù hợp cho công ty.

- Về đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành: Để giảm bớt tính phức tạp của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành cho sản phẩm công ty xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm bao bì hoàn thành chu kỳ sản xuất ngắn, xen kẽ liên tục nên tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định kỳ tính giá thành là phù hợp.

3.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý kế toán tại công ty

- Khoản mục chi phí NVL trực tiếp dùng cho sản xuất công ty sử dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính,

công ty đã hạch toán số vật liệu thừa chưa dùng vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Điều này chưa được hợp lý.

- Cán bộ công nhân viên nghỉ phép không đều giữa các tháng khiến việc trích tiền lương nghỉ phép giữa các tháng khác nhau, có tháng nhiều, có tháng ít, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Khoản chi vật thuộc lĩnh vực phúc lợi (chi sinh hoạt đoàn viên) được tập hợp vào khoản mục chi phí sản xuất chung không hợp lý do số lượng công nhân lớn chi phí cho mỗi lần sinh hoạt đoàn viên tuy nhỏ so với tổng chi phí sản xuất nhưng nó cũng ảnh hưởng phần nào tới giá thành sản phẩm.

Việc tính khấu hao TSCĐ của công ty theo từng tháng. Việc tính khấu hao theo từng tháng tuy có tác dụng bình ổn về giá nhưng lại không phản ánh chính xác các khoản chi phí công ty đã bỏ ra để sản xuất sản phẩm cũng như hiệu quả kinh doanh.

- Công ty xác định đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành gồm sản phẩm má phanh và bao bì Carton. Mỗi một sản phẩm lại gồm nhiều loại khác nhau nhưng chỉ tính giá thành theo đơn vị m², kg. Do đó, công ty cần phân biệt từng loại sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng có yêu cầu về kỹ thuật, mẫu mã khác nhau vì vậy đối tượng tính giá thành ở đây không thể hiện sự khác nhau. Vì vậy đối tượng tính giá thành ở đây không thể hiện sự khác nhau của từng chủng loại sản phẩm.

II. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- Sau một thời gian ngắn tìm hiểu thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bao bì tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera, dưới góc độ là một sinh viên thực tập em xin mạnh dạn nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

1. Xác định đối tượng tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp

Quy trình công nghệ sản xuất bao bì tạo ra 1 loại sản phẩm chính là bao bì nhưng có nhiều chủng loại khác nhau và chỉ tính giá thành theo đơn vị m², kg. Chi phí để sản xuất mỗi loại bao bì khác nhau sẽ dẫn đến giá thành sản phẩm của chúng cũng khác nhau. Chẳng hạn, giá thành bao bì cũ hợp thạch bàn sẽ khác với giá thành hợp hữu hung và hợp carton 5 lớp... Thực tế xem xét tình hình tiêu thụ em thấy giá bán của các loại bao bì này cũng khác nhau. Do đó để tính toán chính xác số lãi hoặc số lỗ nhằm định hướng sản xuất, tăng số lượng bao bì có lãi cao, giảm số bao bì có lãi thấp và tiêu thụ chậm, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, giúp các nhà quản trị ra quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác công ty sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng nhưng lại không tính giá thành theo từng đơn đặt hàng điều này không hợp lý trong quá trình xác định đối tượng tính giá thành. Doanh nghiệp nên xác định lại đối tượng tính giá thành.

Khi có các đơn đặt hàng của khách hay kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo đơn. Đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh sẽ được tập hợp theo từng đơn không kể số lượng sản phẩm của đơn đặt hàng nhiều hay ít, quy trình công nghệ, giản đơn hay phức tạp. Khi phân bổ chi phí sản xuất chung sẽ phân bổ theo từng đơn đặt hàng với những tiêu chuẩn phù hợp tổng giá thành sẽ là tổng chi phí đã được tập hợp theo đơn đặt hàng đó giá thành đơn vị sẽ là tổng giá thành của đơn vị chia cho số lượng sản phẩm trong đơn.

2. Hoàn thiện công tác hạch toán ban đầu

Hiện nay Bộ Tài chính ban hành quyết định số 15/2006/QĐ-BTC chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam 2006 doanh nghiệp nên cập nhật trong quyết định số 15 có sự thay đổi của các bảng biểu, sổ sách, chứng từ doanh

nghiệp nên kịp thời áp dụng để thực hiện đúng quyết định mà Bộ Tài chính đã ban hành .

Hoàn thiện công tác hạch toán ban đầu chính là việc cung cấp đầy đủ bộ chứng từ phục vụ cho quá trình ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh các chứng từ cần phải được tuân theo đúng quy định, doanh nghiệp áp dụng biểu mẫu theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng phiếu xuất kho.

PHIẾU XUẤT KHO

Người nhận hàng:

Đơn vị:

Địa chỉ:

Nội dung:

STT	Mã kho	Tên vật tư	TK nợ	TK có	ĐVT	Số lượng	Giá	Thành tiền
		Tổng:						

Với mẫu phiếu xuất kho này thì chỉ xác định được lượng thực xuất mà không xác định được số lượng yêu cầu và đi kèm với phiếu xuất kho này phiếu yêu cầu lĩnh vật tư như vậy muốn để biết được lượng thực xuất và lượng yêu cầu cần phải xem hai loại chứng từ. Doanh nghiệp nên áp dụng đúng mẫu phiếu xuất kho để tiện theo dõi và phù hợp với quyết định của Bộ Tài chính.

Mẫu số: 02-VT

Đơn vị: (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Bộ phận: Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày.....tháng.....năm Nợ:.....

Số: Có.....

Họ tên người nhận hàng:.....Địa chỉ (bộ phận):.....

Lý do xuất kho.....

Xuất tại kho (ngăn lô).....Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng	x	x	x	x	x	x

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):.....

Số chứng từ gốc kèm theo.....

Ngày.....tháng.....năm

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ

tên)

3. Về tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu và xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu phù hợp

- Như chúng ta đã biết giá thành sản phẩm có vai trò quyết định với mức lợi nhuận của phân xưởng, mà giá thành làm ra lại phụ thuộc vào các chi phí sản xuất, sản xuất về nguyên vật liệu. Chi phí này luôn chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm. Chính vì thế trong quá trình sửa chữa sản phẩm phải tiến hành tiết kiệm tối đa, phải tổ chức tốt khâu nguyên vật liệu, các định mức tiêu hao NVL phải được xây dựng chặt chẽ và sát với thực tế.

Để giảm bớt tiêu hao nguyên vật liệu với mức tối thiểu, xây dựng phương án định mức tiêu hao vật tư so với thực tế nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, nhất thiết cán bộ công nhân viên phải có ý thức, trách nhiệm cao trong sản xuất, nâng cao năng suất sử dụng máy móc, thiết bị, sử dụng hết công suất máy, tăng năng suất lao động tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao. Việc cung cấp nguyên vật liệu phải đảm bảo chất lượng và đồng bộ phục vụ cho sản xuất tốt.

Bên cạnh đó, công ty cũng nên tích cực đi sâu vào nghiên cứu thị trường và mở rộng quan hệ với các đối tác trong quan hệ làm ăn.

4. Về bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Theo em, công ty không nên tính tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất và của nhân viên phân xưởng vào cả lương chính mà nên đưa vào cột lương trong bảng phân bổ tiền lương và BHXH, nhằm thể hiện sự tách bạch của các khoản tiền lương đồng thời đảm bảo chính xác các khoản tiền lương đó:

- Lương chính là tiền lương trả công cho nhân viên trong thời gian làm việc thực tế

- Lương phụ là tiền lương trả cho công nhân viên trong thời gian ngừng việc như: nghỉ lễ, nghỉ phép, đi học, đi họp theo chế độ quy định.

Đối với những sản phẩm hỏng trong định mức khi hoạch toán về kế toán đưa vào các tài khoản chi phí TK 621, 622, 627, để cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 và tính giá thành sản phẩm.

Với những sản phẩm hỏng của phân xưởng bao bì thì hạch toán các CP vào các tài khoản tương ứng TK 6214, 6224, 627, 1544. Với những sản phẩm hỏng của phân xưởng má phanh ô tô cũng hạch toán vào các TK 6212, 6222, 627, 1542.

Đối với những sản phẩm hỏng ngoài định mức công ty nên tìm hiểu rõ nguyên nhân để tiện theo dõi.

+ Nguyên nhân hỏng do 1 cá nhân hay 1 tổ, đội cần có hình thức phạt bồi thường theo giá trị sản phẩm hoàn thành được sản xuất ra:

Nợ TK 138 Giá trị sản phẩm

 Có TK 154 hỏng

hoặc có thể trừ vào lương công nhân

Nợ TK 334 Giá trị sản phẩm

 Có TK 154 hỏng

Nếu trừ vào thu nhập của doanh nghiệp

Nợ TK 811 Giá trị sản phẩm

 Có TK 154 hỏng

7. Về kiểm tra đánh giá sản phẩm dở dang

Công ty xác định CP sản phẩm làm dở cuối tháng đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính. Phương pháp này là tương đối phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty. Tuy nhiên việc không tách biệt vật liệu thừa chưa dùng đến trong tổng số VLC dùng cho sản xuất là chưa chính xác. Theo em thì công ty nên có những biện pháp quản lý cụ thể như sau:

+ Đối với nguyên vật liệu có thể sử dụng ngay ở kỳ sau thì phân xưởng có thể tiến hành nhập kho lại để bảo quản nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác.

+ Đối với nguyên vật liệu có thể sử dụng ngay ở kỳ sau của phân xưởng sẽ lập phiếu báo cáo vật tư còn cuối kỳ làm 2 liên.

- Liên thứ nhất: gửi lên phòng kế toán để theo dõi và phản ánh lượng vật tư còn cuối kỳ làm 2 liên.

- Liên 2: giao cho phòng kho vật tư để phòng vật tư lập kho mua nguyên vật liệu cho kỳ sau được chính xác, hợp lý.

Sau khi nhận được phiếu báo vật tư, kế toán tiến hành định khoản

Nợ TK 152

NVL thừa không sử dụng nhập lại

Có TK 621

kho

Mua phiếu báo vật tư còn cuối kỳ như sau:

Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera

676 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội

PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN CUỐI KỲ

Bộ phận sử dụng: phân xưởng sản xuất bao bì

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Lý do

Ngày.....tháng.....năm

Bộ phận sử dụng

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacera em nhận thấy công tác tổ chức quản lý tại công ty nói chung, công tác kế toán nói riêng, về cơ bản đã đáp ứng được những yêu cầu đặt ra trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, nếu công ty có những biện pháp thích hợp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý thì công ty sẽ phát huy vai trò của mình đối với quá trình phát triển. Đối với mỗi doanh nghiệp, quản lý là vấn đề cơ bản trong đó kế toán là một công cụ đắc lực, không chỉ là sự cung cấp thông tin cho những nhà cung cấp, nhà quản lý... mà còn giúp ban lãnh đạo, các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn, kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Trên cơ sở những kiến thức đã thu nhận trong thời gian học tập tại trường Trung học dân lập Kinh tế kỹ thuật tổng hợp Hà Nội, kết hợp với quá trình thực tiễn tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Viglacera, em đã học hỏi được một số kết quả nghiên cứu nhất định.

- Tìm hiểu những vấn đề chung trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ đó nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán này. Nắm vững bản chất nội dung kinh tế của chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và các phân loại chi phí, giá thành được sử dụng trong kế toán tài chính.

- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bao bì tại công ty. Em nghĩ khi tập hợp chi phí sản xuất đầy đủ và chính xác, kế toán đưa ra được giá thành sản xuất phù hợp, đó là chìa khóa của việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Đề xuất được 1 số ý kiến đóng góp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất kế toán có hiệu quả.

Với thời gian ngắn thực tập tại công ty, em đã có cơ hội tiếp cận thực tiễn tuy nhiên thời gian đó chưa đủ để em có thể tìm hiểu sâu và rộng hơn về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác quản lý lao động và các hoạt động khác tại công ty. Thêm vào đó, từ kiến thức học ở trường cho đến thực tiễn còn rất nhiều khoảng cách. Vì vậy, những vấn đề đã nêu trong chuyên đề tốt nghiệp này không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp để có thể hoàn thành chuyên đề này được hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng, cảm ơn các cán bộ phòng tài chính - kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Viglacere, đặc biệt là cô giáo Phan Thị Thúy Quỳnh trường THDL kinh tế kỹ thuật tổng hợp và kế toán trưởng Đỗ Trọng Tấn đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

